



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

-----***-----

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Số: 226.../CV-TCT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP (“CC1”)
 - Mã chứng khoán: CC1
 - Địa chỉ trụ sở chính: 111A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.
 - Điện thoại: 028.38.222.059 Fax: 028.38.290.500
 - Email: info@cc1.vn
- Nội dung của thông tin công bố:

Ngày 27/02/2023, Hội đồng Quản trị CC1 đã ban hành Quyết định số 26./QĐ-HĐQT về việc phê duyệt Ban hành Quy chế Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/02/2023 tại đường dẫn: <https://www.cc1.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin.html>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố. *hu*

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Bảo Anh



TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 26.../QĐ-HĐQT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27... tháng 02... năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Xây dựng số 1 – CTCP (“CC1”);
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị CC1;
- Xét đề nghị của Tổng Giám đốc CC1.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được ban hành kèm theo Quyết định số 122/QĐ-HĐQT ngày 17/05/2022 của Hội đồng quản trị CC1.
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế Quyết định số 122/QĐ-HĐQT ngày 17/05/2022 của Hội đồng quản trị CC1.
- Điều 3:** Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Trưởng Phòng/Ban thuộc CC1 và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Trm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3; *kuh*
- Lưu: HĐQT, ISO, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH *Trm*



Nguyễn Văn Huân



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01

Ngày phê duyệt: 27/02/2023

Ngày hiệu lực: 27/02/2023

Lần ban hành: 04

**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Soạn thảo	Kiểm tra	Xem xét	Phê duyệt
			 
Trưởng Phòng Phòng Tài chính	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính	Tổng Giám đốc	TM.Hội đồng quản trị Chủ tịch
Phan Thị Diệu Huyền	Nguyễn Việt Hùng	Lê Bảo Anh	Nguyễn Văn Huân



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

PHẦN KIỂM SOÁT

1. Phân phối

Ngày phân phối: / /

STT	Phòng/Ban	Viết tắt Phòng/Ban
1	Hội Đồng Quản Trị	HĐQT
2	Ban Tổng Giám Đốc	BTGD
3	Ủy ban kiểm toán	UBKT
4	Văn phòng Hội đồng quản trị	VPHĐQT
5	Ban thư ký cho Ban Tổng Giám đốc	BTK
6	Ban Kiểm toán nội bộ	KTNB
7	Phòng Phát triển kinh doanh Dân Dụng	PTDD
8	Phòng Phát triển kinh doanh Công Nghiệp	PTCN
9	Phòng Phát triển kinh doanh Giao thông & Hạ tầng kỹ thuật	PTGTHT
10	Phòng HSE	HSE
11	Phòng Kỹ thuật và Chất lượng	KTCL
12	Phòng Thiết kế	TK
13	Phòng MEP	MEP
14	Phòng Kiểm soát chi phí và hợp đồng	KSCPHĐ
15	Phòng Đầu tư Dự án BĐS	BĐS
16	Phòng Đầu tư Dự án Hạ tầng & Năng lượng	HTNL
17	Phòng Kinh doanh vật tư	KDVT
18	Phòng Cung ứng và Chọn thầu	CUCT
19	Phòng Công nghệ thông tin	CNTT
20	Phòng Pháp chế	PC
21	Phòng Truyền thông	TT
22	Phòng Tài chính	TC
23	Phòng Kế toán	KT
24	Phòng Hành chính - Nhân sự	HCNS
25	Phòng Đào tạo và Phát triển	ĐTPT
26	Ban Đền bù quỹ đất	BĐBQĐ
27	Ban Điều hành dự án	BĐHDA
28	Ban Quản lý dự án	BQLDA

2. Thay đổi

Lần sửa đổi	Khoản mục thay đổi	Nội dung thay đổi	Ngày thay đổi
1		Thay đổi nội dung của Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kèm theo Quyết định số 119/QĐ-HĐQT ngày 22/09/2017	15/07/2019

Xuân *Th*

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Số hiệu: CC1-PTC-01 Ngày phê duyệt: 27/02/2023 Ngày hiệu lực: 27/02/2023 Lần ban hành: 04
---	--	--

Lần sửa đổi	Khoản mục thay đổi	Nội dung thay đổi	Ngày thay đổi
2		Thay đổi nội dung của Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kèm theo Quyết định số 62/QĐ-HĐQT ngày 15/07/2019	17/05/2022
3		Thay đổi nội dung của Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán kèm theo Quyết định số 122/QĐ-HĐQT ngày 17/05/2022	27/02/2023

3. Viết tắt

STT	Chữ viết tắt	Chữ thường
1	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2	SGDCK	Sở Giao dịch chứng khoán
3	HNX	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
4	TTLKCKVN	Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam
5	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
6	HĐQT	Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
7	UBKT	Ủy Ban kiểm toán Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
8	TGD	Tổng giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP
9	CBTT	Công bố thông tin
10	BCTC	Báo cáo tài chính
11	TLSHNN	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài
12	TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
13	TPRCC	Trái phiếu ra công chúng
14	BP QHCD	Bộ phận Quan hệ cổ đông thuộc Phòng Tài chính
15	BP HĐV	Bộ phận Huy động vốn thuộc Phòng Tài chính
16	BP TCKH	Bộ phận Tài chính kế hoạch thuộc Phòng Tài chính

Khai



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Mục đích	1
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ	1
Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ	3
Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin	3
Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin	3
Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin	4
Điều 7. Tạm hoãn, sửa đổi nội dung công bố thông tin	5
Điều 8. Chế độ báo cáo và công bố thông tin	5
Điều 9. Quy trình công bố thông tin	6
Chương III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	7
Điều 10. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm về công bố thông tin	7
Điều 11. Trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan	7
Điều 12. Hiệu lực thi hành	8
Điều 13. Sửa đổi, bổ sung	8

Handwritten signature

Handwritten signature



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế công bố thông tin (sau đây gọi tắt là “Quy chế”) được Tổng Công ty Xây dựng Số 1 – CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) ban hành nhằm đáp ứng các quy định của pháp luật, chuẩn mực CBTT cũng như nhu cầu tìm hiểu, cập nhật thông tin về hoạt động của Tổng công ty và các bên liên quan. Đồng thời, quy chế quy định nội dung, cách thức, trình tự thực hiện công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng công ty đối với cổ đông, nhà đầu tư, cơ quan có thẩm quyền.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về việc CBTT của Tổng công ty, đồng thời quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị, phòng, ban, cá nhân thuộc Tổng công ty và các đối tượng liên quan khác trong việc thực hiện nghĩa vụ CBTT và các văn bản pháp luật có liên quan đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, minh bạch của các thông tin công bố.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Bộ phận CBTT;
- b) Người thực hiện CBTT;
- c) Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- d) Trưởng các đơn vị, phòng, ban có liên quan;
- e) Cổ đông;
- f) Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT theo quy định của pháp luật;
- g) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

- a) Người nội bộ của Tổng công ty và người có liên quan của người nội bộ;
- b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- c) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty.

2. Người nội bộ của Tổng công ty theo quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019 bao gồm:

Kul

Tm

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Số hiệu: CC1-PTC-01 Ngày phê duyệt: 27/02/2023 Ngày hiệu lực: 27/02/2023 Lần ban hành: 04
---	--	--

- a) Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT;
- b) Người đại diện theo pháp luật;
- c) Thành viên Ban kiểm toán nội bộ;
- d) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc;
- e) Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do HĐQT bầu hoặc HĐQT bổ nhiệm;

f) Thư ký Tổng công ty, người phụ trách quản trị Tổng công ty, người được ủy quyền CBTT.

3. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019. Cụ thể:

- a) Tổng công ty và người nội bộ của Tổng công ty;
- b) Tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. *Ngày công bố thông tin* là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện CBTT.

5. *Ngày báo cáo* là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK hoặc ngày UBCKNN, SGDCK nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

6. *Nghị định 155/2020/NĐ-CP* là Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.

7. *Nghị định 156/2020/NĐ-CP* là Nghị định 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. *Thông tư 96/2020/TT-BTC* là Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01

Ngày phê duyệt: 27/02/2023

Ngày hiệu lực: 27/02/2023

Lần ban hành: 04

Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng CBTT khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCK thực hiện công khai thông tin.

4. Việc CBTT của Tổng công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc CBTT do người thực hiện CBTT thực hiện theo quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư 96/2020/TT-BTC.

5. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT trong thời gian tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm.

6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Trường hợp CBTT bằng cả tiếng Anh, nội dung tiếng Anh chỉ mang tính tham khảo.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Tổng công ty thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT.

Handwritten signature

Handwritten mark

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Số hiệu: CC1-PTC-01 Ngày phê duyệt: 27/02/2023 Ngày hiệu lực: 27/02/2023 Lần ban hành: 04
---	--	--

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT;

b) Tổng công ty phải báo cáo hoặc báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDCK trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT bao gồm: Giấy ủy quyền CBTT theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

2. Nhà đầu tư thuộc đối tượng CBTT là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ CBTT hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Phương tiện báo cáo, CBTT bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (Website) của Tổng công ty;
- b) Hệ thống CBTT của UBCKNN;
- c) Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...).

2. Tổng công ty lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Tổng công ty khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với UBCKNN, SGDCK và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ công ty, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty (nếu có), Quy chế hoạt động HĐQT, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC;

Kul



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01

Ngày phê duyệt: 27/02/2023

Ngày hiệu lực: 27/02/2023

Lần ban hành: 04

c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, Tổng công ty và các đối tượng có liên quan thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định của pháp luật sau khi ngày nghỉ, ngày lễ kết thúc.

4. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN và SGDCK.

5. Đối tượng CBTT không phải gửi bản giấy đề báo cáo UBCKNN, SGDCK trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Điều 7. Tạm hoãn, sửa đổi nội dung công bố thông tin

1. Tạm hoãn CBTT

a) Tổng công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT.

b) Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Tổng công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

2. Sửa đổi nội dung CBTT

a) Khi cần sửa đổi nội dung thông tin đã được công bố, các đơn vị, cá nhân có liên quan lập báo cáo, giải trình với người đại diện theo pháp luật về nguyên nhân cần thay đổi thông tin đã công bố, nội dung thay đổi, trách nhiệm của đơn vị, cá nhân có liên quan tới việc thay đổi nội dung thông tin đã công bố.

b) Trường hợp cần thiết phải thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Tổng công ty báo cáo và có văn bản giải trình gửi UBCKNN, SGDCK.

Điều 8. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

1. Tổng công ty thực hiện chế độ báo cáo và CBTT trong các trường hợp sau:

a) CBTT định kỳ theo quy định tại Mục I – Phụ Lục 1 đính kèm Quy chế này;

b) CBTT bất thường theo quy định tại Mục II – Phụ Lục 1 đính kèm Quy chế này;

c) CBTT theo yêu cầu theo quy định tại Mục III – Phụ Lục 1 đính kèm Quy chế này;

d) CBTT về các hoạt động khác của công ty đại chúng theo quy định tại Mục IV – Phụ Lục 1 đính kèm Quy chế này.

2. Chế độ báo cáo, CBTT của các đối tượng khác theo quy định tại Phụ Lục 2 đính kèm Quy chế này.

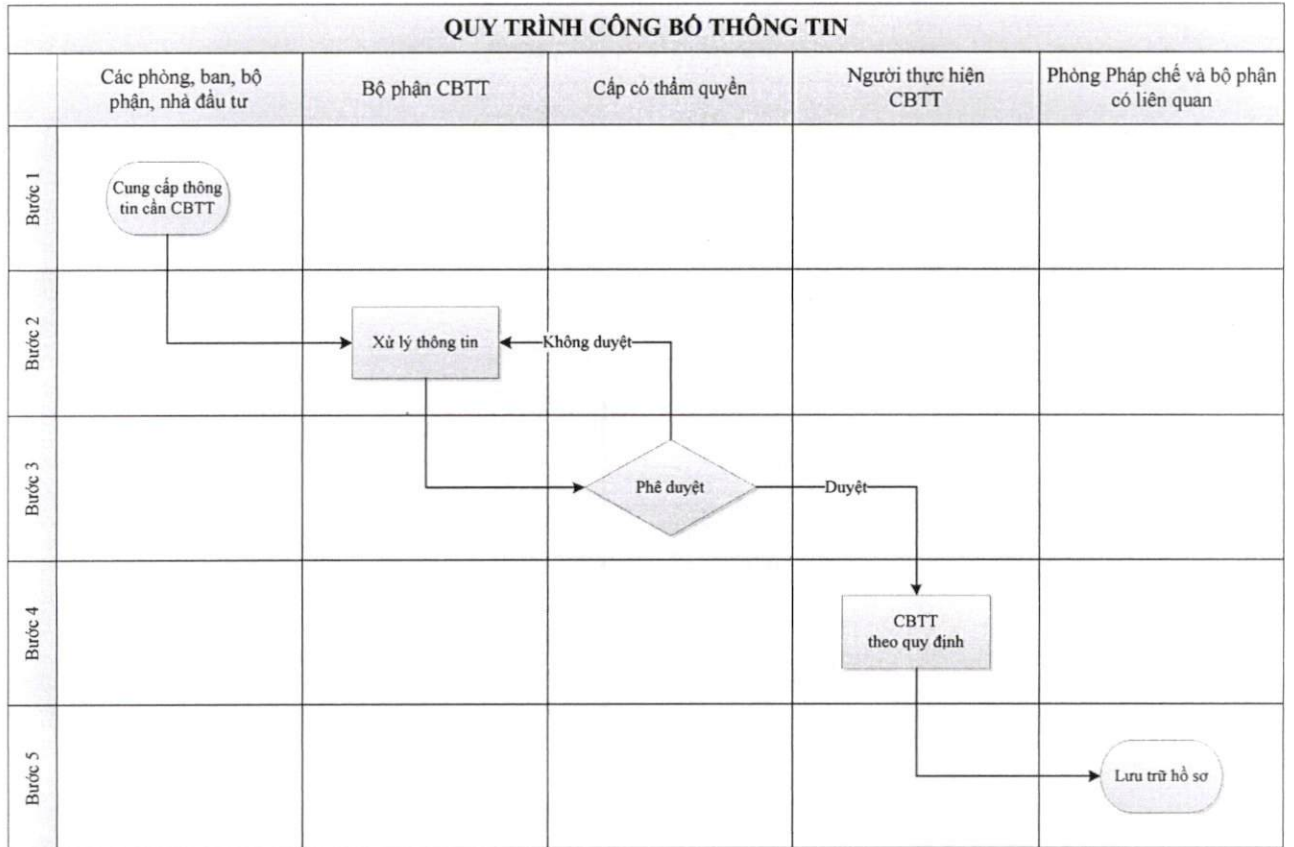
Handwritten signature

Handwritten mark

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Số hiệu: CC1-PTC-01 Ngày phê duyệt: 27/02/2023 Ngày hiệu lực: 27/02/2023 Lần ban hành: 04
---	--	--

Điều 9. Quy trình công bố thông tin

1. Lưu đồ



2. Diễn giải

Bước	Người chịu trách nhiệm	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phòng, ban, bộ phận, nhà đầu tư	Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các phòng, ban, bộ phận, nhà đầu tư cung cấp thông tin chuyển đến bộ phận CBTT.	Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCK, TTLKCK và CBTT trên các phương tiện thông tin đại chúng.
2	Bộ phận CBTT	Sau khi nhận được thông tin, bộ phận CBTT thực hiện tổng hợp, phân loại, lập các báo cáo, công văn CBTT phù hợp. Sau khi lập xong, bộ phận CBTT trình cấp có thẩm quyền ký phê duyệt tài liệu CBTT.	Ngay sau khi nhận được thông tin cung cấp từ các phòng, ban, bộ phận, nhà đầu tư.

Kieu

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Số hiệu: CC1-PTC-01 Ngày phê duyệt: 27/02/2023 Ngày hiệu lực: 27/02/2023 Lần ban hành: 04
---	--	--

Bước	Người chịu trách nhiệm	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện
3	Cấp có thẩm quyền	Xem xét nội dung thông tin dự định công bố, chỉnh sửa (nếu có), và phê duyệt để người thực hiện CBTT tiến hành CBTT theo quy định.	Tùy thuộc vào từng sự việc cụ thể.
4	Người thực hiện CBTT	Người thực hiện CBTT thực hiện CBTT bằng cách đăng thông tin cần công bố lên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.	Ngay khi nhận được phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
5	Phòng Pháp chế và bộ phận có liên quan	Thực hiện lưu trữ hồ sơ: Lưu trữ phải rõ ràng, dễ nhận biết và truy soát.	Ngay sau khi hoàn thành việc CBTT.

Chương III: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm về công bố thông tin

1. Các phòng, ban, bộ phận, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện CBTT theo đúng quy định của pháp luật, quy định của SGDCK và quy định tại Quy chế này và chịu trách nhiệm trước người đại diện theo pháp luật về việc thực hiện CBTT của Tổng công ty.

2. Các phòng, ban, bộ phận, cá nhân thuộc Tổng công ty có hành vi vi phạm Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Tổng công ty liên quan đến việc CBTT thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của Tổng công ty và của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị liên quan

1. Phòng Tài chính báo cáo Chủ tịch HĐQT, Ban TGD các vấn đề vướng mắc phát sinh liên quan đến việc áp dụng Quy chế này có nguy cơ phát sinh rủi ro cho Tổng công ty để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp;

2. Phòng Tài chính chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nội dung tại Quy chế này để phù hợp với thị trường và quy định pháp luật có liên quan;

3. Phòng Pháp chế phối hợp, hỗ trợ cũng như tư vấn về mặt pháp lý cho Phòng Tài chính nhằm đảm bảo Quy chế ban hành phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan;

4. Các phòng, ban, bộ phận có liên quan có trách nhiệm theo dõi và tuân thủ việc gửi CBTT theo đúng quy định của Quy chế này.

5. Đối với các nghiệp vụ chuyên môn khác đã có quy định, hướng dẫn cụ thể về hoạt

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Số hiệu: CC1-PTC-01 Ngày phê duyệt: 27/02/2023 Ngày hiệu lực: 27/02/2023 Lần ban hành: 04
---	---	---

động CBTT, các phòng, ban, bộ phận, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo quy định, hướng dẫn cụ thể đối với nghiệp vụ chuyên môn đó.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày HĐQT thông qua và ký quyết định ban hành.
2. Các nội dung liên quan đến hoạt động CBTT trên thị trường chứng khoán tại các văn bản khác do Tổng công ty ban hành trái với Quy chế này hết hiệu lực thi hành.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ CBTT mà chưa được quy định trong Quy chế này hoặc có các quy định pháp luật mới ban hành khác với Quy chế này hoặc có các văn pháp luật mới thay thế cho các văn bản pháp luật được tham chiếu trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh Quy chế CBTT của Tổng công ty.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quy chế này do HĐQT xem xét, quyết định.



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

**PHỤ LỤC 1
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA TỔNG CÔNG TY**

I. CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
1	BCTC đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận			
a	BCTC năm đã được kiểm toán	- Nội dung báo cáo: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh BCTC theo quy định của pháp luật và kế toán Việt Nam. - Giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: - Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; - Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.	10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Phòng Kế toán
b	BCTC bán niên đã được soát xét		05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Phòng Kế toán
c	BCTC quý		30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.	Phòng Kế toán



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01

Ngày phê duyệt: 27/02/2023

Ngày hiệu lực: 27/02/2023

Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
2	Báo cáo thường niên	Mẫu quy định tại Phụ lục IV – Thông tư 96/2020/TT-BTC.	Chậm nhất 20 ngày sau ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	BP QHCD chủ trì và các phòng, ban, bộ phận chức năng phối hợp
3	Báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng và hàng năm	Mẫu quy định tại Phụ lục V – Thông tư 96/2020/TT-BTC.	30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	BP QHCD chủ trì và các phòng, ban, bộ phận chức năng phối hợp
4	Họp ĐHĐCĐ thường niên			
	Thông tin ĐHĐCĐ	CBTT Nghị quyết về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội.	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.	Ban trợ lý HĐQT
		Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên: - Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để tham dự đại hội; - Thông báo mời họp; - Mẫu giấy ủy quyền dự họp; - Chương trình họp; - Phiếu biểu quyết; - Danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, UBKT; - Tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ.	Ban trợ lý HĐQT BP QHCD



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
		- Tài liệu hợp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có). - Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các tài liệu liên quan; - Biên bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	24 giờ kể từ ngày thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.	Ban trợ lý HĐQT BP QHCD
5	TLSHNN (khoản 2 Điều 13 Thông tư 96/2020/TT-BTC)	TLSHNN tối đa thay đổi trong các trường hợp: - Thay đổi ngành, nghề đầu tư kinh doanh dẫn đến thay đổi TLSHNN tối đa tại Tổng công ty; - Quy định pháp luật về sở hữu nước ngoài đối với các ngành, nghề đầu tư kinh doanh Tổng công ty đang hoạt động có sự thay đổi; - Điều lệ Tổng công ty có quy định thay đổi TLSHNN tối đa.	Trong vòng 30 ngày khi có sự thay đổi.	Phòng Pháp chế BP QHCD
6	CBTT về danh sách cổ đông	Báo cáo danh sách cổ đông nhà nước, cổ đông lớn tại thời điểm 6 tháng đầu năm (căn cứ trên danh sách cổ đông được chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 30/6) và 6 tháng cuối năm dương lịch (căn cứ trên danh sách cổ đông chốt tại thời điểm gần nhất trước ngày 31/12).	- Báo cáo 6 tháng đầu năm: trước ngày 30/07; - Báo cáo 6 tháng cuối năm: trước ngày 30/01 năm tiếp theo.	BP QHCD
7	Hoạt động chào bán và báo cáo sử dụng vốn	Trường hợp chào bán cổ phiếu riêng lẻ.	Công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong BCTC năm được kiểm toán xác nhận.	BP QHCD



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01

Ngày phê duyệt: 27/02/2023

Ngày hiệu lực: 27/02/2023

Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
		Trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng.	- Nếu huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư: Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án theo Mẫu số 01 Phụ lục Nghị định 155/2020/NĐ-CP và CBTT trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, SGDCK trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn nêu trên; - Nếu thay đổi các nội dung tại thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành: Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền, Tổng công ty phải báo cáo UBCKNN theo Mẫu số 02 Phụ lục Nghị định 155/2020/NĐ-CP; đồng thời CBTT trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty, SGDCK. (Việc thay đổi phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua. HĐQT chỉ được thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt	BP QHCD



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
			phát hành khi được ĐHĐCĐ ủy quyền và theo quy định tại điều lệ Tổng công ty, trừ trường hợp chào bán trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền theo phương án được HĐQT thông qua. Việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành phải được báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất).	

II. CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
1	Thông tin bất thường	Tài khoản của Tổng công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Phòng Kế toán
2	Thông tin bất thường	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Tổng công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Phòng Pháp chế



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01

Ngày phê duyệt: 27/02/2023

Ngày hiệu lực: 27/02/2023

Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
		động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.		
3	Thông tin bất thường	Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Tổng công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Ban trợ lý HĐQT BP QHCD
4	Thông tin bất thường	Quyết định mua lại cổ phiếu của Tổng công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.	24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT.	Ban trợ lý HĐQT BP QHCD
5	Thông tin bất thường	Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT.	BP QHCD



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
6	Thông tin bất thường	Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện.	24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT.	Phòng Hành chính – Nhân sự
7	Thông tin bất thường	Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ.	24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT.	Phòng Pháp chế
8	Thông tin bất thường	Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.	24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT.	Ban trợ lý HĐQT BP TCKH
9	Thông tin bất thường	Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Phòng Kế toán
10	Thông tin bất thường	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.	24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết HĐQT.	Ban trợ lý HĐQT Phòng Kế toán BP TCKH



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CCI-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
11	Thông tin bất thường	Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan.	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Ban trợ lý HĐQT
12	Thông tin bất thường	Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết.	24 giờ kể từ khi ban hành nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT.	BP QHCD
		Trường hợp Tổng công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu.	24 giờ tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.	
		Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ.	24 giờ tính từ thời điểm Tổng công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	
		Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Tổng công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.	CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT.	
13	Thông tin bất thường	Tổng công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ.	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Phòng Hành chính – Nhân sự
14	Thông tin bất thường	Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản	24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết/Quyết định về việc mua/bán.	Các phòng, ban, bộ phận có liên quan



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01

Ngày phê duyệt: 27/02/2023

Ngày hiệu lực: 27/02/2023

Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
		của Tổng công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ).		
15	Thông tin bất thường	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Tổng công ty, người nội bộ của Tổng công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Tổng công ty.	24 giờ kể từ khi nhận được quyết định.	Phòng Pháp chế
16	Thông tin bất thường	Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của công ty.	24 giờ kể từ khi nhận được bản án, quyết định.	Phòng Pháp chế
17	Thông tin bất thường	Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế.	24 giờ kể từ khi nhận được quyết định.	Phòng Kế toán
18	Thông tin bất thường	Tổng công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.	24 giờ kể từ khi nhận được thông báo.	Phòng Pháp chế
19	Thông tin bất thường	Trường hợp Tổng công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Tổng công ty, Tổng công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.	24 giờ kể từ khi nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của Tổng công ty.	Các phòng, ban, bộ phận có liên quan
20	Thông tin bất thường	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Tổng công ty.	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	Các phòng, ban, bộ phận có liên quan



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01

Ngày phê duyệt: 27/02/2023

Ngày hiệu lực: 27/02/2023

Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
21	Thông tin bất thường	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.	24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	BP QHCD
22	Thông tin bất thường	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.	24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết/Quyết định.	Ban trợ lý HĐQT Phòng Pháp chế
23	Thông tin bất thường	Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Tổng công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ).	24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết/Quyết định.	Các phòng, ban, bộ phận có liên quan
24	Thông tin bất thường	Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	24 giờ kể từ khi ban hành Nghị quyết/Quyết định.	Ban trợ lý HĐQT Phòng Kế toán BP TCKH
25	Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	- Nghị quyết/Quyết định về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu; - Thông báo của Tổng công ty về ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền theo mẫu quy định của TTLKCKVN; - Các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan (nếu có).	Ít nhất 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ.	Ban trợ lý HĐQT BP QHCD
		Tổng công ty CBTT và gửi thông báo SGDCK, nếu hủy nội dung thông báo:	Nêu rõ lý do hủy chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.	Ban trợ lý HĐQT BP QHCD



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
		- Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền liên quan đến tỷ lệ thực hiện; - Ngày đăng ký cuối cùng đối với các trường hợp phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; - Các trường hợp liên quan đến việc điều chỉnh giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền.		
26	CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Tổng công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp .	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Phòng Kế toán

III. CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
1	Công bố theo yêu cầu	Theo yêu cầu của UBCKNN, SGDCK khi: - Xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; - Có thông tin liên quan đến Tổng công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu.	BP QHCD phối hợp với các phòng, ban, bộ phận có liên quan



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

IV. CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
1	CBTT về các hoạt động khác	Về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Thực hiện theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	BP QHCD
2	CBTT về giao dịch cổ phiếu quỹ	Trước khi thực hiện mua/bán cổ phiếu quỹ.	Chậm nhất 7 ngày trước ngày dự kiến giao dịch.	BP QHCD
		Báo cáo kết quả thực hiện giao dịch.	Trong 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch.	
		Trường hợp Tổng công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10%.	Thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	
		CBTT cho SGDCK khi nhận được công văn của UBCKNN về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giao dịch cổ phiếu quỹ.	24 giờ kể từ khi nhận được thông báo.	
3	CBTT về chào bán, phát hành TPRCC	Quyết định về việc phê duyệt phương án phát hành, phương án sử dụng và trả nợ thu được từ đợt phát hành TPRCC.	24 giờ kể từ khi ban hành Quyết định.	BP HĐV
		- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán TPRCC do UBCKNN cấp; - Thông báo phát hành TPRCC; - Bản cáo bạch chào bán TPRCC chính thức.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán TPRCC do UBCKNN cấp có hiệu lực.	



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
		Báo cáo kết quả đợt chào bán kèm theo xác nhận của Ngân hàng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài nơi mở tài khoản phong tỏa về số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN và CBTT kết quả chào bán TPRCC.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	
		Báo cáo UBCKNN về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành và CBTT Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành TPRCC kèm theo lý do thay đổi.	24 giờ kể từ thời điểm có Quyết định của cấp có thẩm quyền.	
		Báo cáo tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, phát hành TPRCC định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.	
		Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu.	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	
		Quyết định chấp thuận niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng của Tổng công ty do HNX cấp.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm nhận được văn bản của HNX.	
		Thông báo ngày giao dịch của trái phiếu phát hành ra công chúng.	Trái phiếu được chấp thuận niêm yết phải được đưa vào giao dịch trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có quyết định chấp thuận niêm yết của HNX.	



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
4	CBTT về phát hành TPDN riêng lẻ tại thị trường trong nước	Quyết định phê duyệt kế hoạch phát hành trái phiếu riêng lẻ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành Quyết định.	BP HĐV
		CBTT trước đợt chào bán cho các nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu.	
		CBTT về kết quả của đợt chào bán cho các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.	
		CBTT định kỳ cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và HNX	- CBTT định kỳ 06 tháng trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính; - CBTT định kỳ hàng năm trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	
		CBTT bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung CBTT cho HNX khi xảy ra một trong các sự kiện sau: - Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp; - Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện.	



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
		Trường hợp Tổng công ty phát hành trái phiếu chuyển đổi, gửi nội dung CBTT cho HNX.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền.	
		CBTT cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu bao gồm: phương thức tổ chức mua lại, hoán đổi; điều kiện, điều khoản của việc mua lại, hoán đổi; khối lượng trái phiếu mua lại, hoán đổi theo phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Trong thời hạn 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.	
		Báo cáo cơ quan phê duyệt, chấp thuận phương án phát hành trái phiếu đồng thời gửi nội dung CBTT cho HNX.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.	
5	CBTT liên quan đến phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	CBTT Bản thông báo phát hành cổ phiếu.	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành; - CBTT ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc đợt phát hành; - Ngày kết thúc đợt phát hành không được quá 45 ngày kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo.	BP QHCD
		CBTT Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu.	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.	



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
6	CBTT liên quan đến phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu	- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp; - Thông báo phát hành cổ phiếu ra công chúng; - Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp có hiệu lực.	BP QHCD
		CBTT Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.	Báo cáo UBCKNN và CBTT trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.	



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

**PHỤ LỤC 2
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG KHÁC**

I. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ CỔ PHIẾU CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT CỦA TỔNG CÔNG TY

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
1	CBTT các đối tượng khác	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Tổng công ty.	05 ngày làm việc kể từ thời điểm trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%.	Tổ chức, cá nhân có liên quan
2	CBTT các đối tượng khác	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Tổng công ty.	05 ngày làm việc kể từ thời điểm không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%.	Tổ chức, cá nhân có liên quan
3	CBTT các đối tượng khác	Tổ chức, cá nhân CBTT và báo cáo về việc thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% (áp dụng với cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của Tổng công ty).	05 ngày làm việc kể từ ngày có sự thay đổi.	Tổ chức, cá nhân có liên quan
4	CBTT các đối tượng khác	Tổng công ty CBTT về các trường hợp tại mục 1, 2, 3 nêu trên.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng tại mục 1, 2, 3 nêu trên.	Tổ chức, cá nhân có liên quan

	QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	Số hiệu: CC1-PTC-01 Ngày phê duyệt: 27/02/2023 Ngày hiệu lực: 27/02/2023 Lần ban hành: 04
---	--	--

II. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
1	CBTT các đối tượng khác	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK, Tổng công ty khi giá trị dự kiến giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.	Người nội bộ và người có liên quan
2	CBTT các đối tượng khác	Người nội bộ và người có liên quan phải CBTT hoàn tất giao dịch quy định tại mục 1 nêu trên, đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.	Người nội bộ và người có liên quan



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

Số hiệu: CC1-PTC-01
Ngày phê duyệt: 27/02/2023
Ngày hiệu lực: 27/02/2023
Lần ban hành: 04

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
3	CBTT các đối tượng khác	Tổng công ty CBTT trong các trường hợp tại mục 1, 2 nêu trên.	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của các đối tượng tại mục 1, 2 nêu trên.	Người nội bộ và người có liên quan

III. CBTT LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI

STT	Tên tài liệu	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Bộ phận cung cấp thông tin
1	CBTT về giao dịch chào mua công khai	CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của Tổ chức, cá nhân thực hiện việc chào mua công khai cổ phiếu của Tổng công ty.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	Ban trợ lý HĐQT BP QHCD
		CBTT về đánh giá, khuyến nghị của HĐQT đối với đề nghị chào mua công khai.	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	Ban trợ lý HĐQT BP QHCD